

HIỂU BIẾT TÀI CHÍNH CỦA NGƯỜI NGHÈO TẠI HUYỆN VÕ NHAI, TỈNH THÁI NGUYÊN: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Hoàng Thị Thu¹, Đồng Thị Hường²

Tóm tắt

Nghiên cứu nhằm đánh giá mức độ hiểu biết tài chính của người nghèo trên địa bàn huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên trên 3 khía cạnh là kiến thức tài chính, thái độ tài chính và hành vi tài chính. Dựa trên dữ liệu thu thập từ 263 người nghèo của huyện Võ Nhai, nghiên cứu đã chỉ ra rằng kiến thức tài chính của người nghèo và hành vi tài chính của người nghèo chỉ ở mức độ trung bình nhưng quan điểm của người nghèo đối với tình hình tài chính xung quanh lại khá tốt. Ngoài ra, hiểu biết tài chính của người nghèo ở huyện Võ Nhai cũng chịu tác động bởi giới tính, độ tuổi, trình độ học vấn, và thu nhập. Từ kết quả đạt được, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiểu biết tài chính của người nghèo tại huyện Võ Nhai trong thời gian tới.

Từ khóa: Hiểu biết tài chính cá nhân, kiến thức tài chính, thái độ tài chính, hành vi tài chính.

FINANCIAL LITERACY FOR THE POOR IN VO NHAI DISTRICT, THAI NGUYEN PROVINCE: SITUATION AND SOLUTIONS

Abstract

The study aims to assess the level of financial literacy for the poor in Vo Nhai district, Thai Nguyen province on three aspects: financial knowledge, financial attitude and financial behavior. Based on data collected from 263 poor people in Vo Nhai district, the research has shown that the financial knowledge and the financial behavior of the poor are only at an average level, but the poor's views on the surrounding financial situation is quite good. In addition, the financial literacy of the poor in Vo Nhai district is also affected by gender, age, education level, and income. From the obtained results, the study proposes some solutions to improve the financial literacy of the poor in Vo Nhai district in the coming time.

Keywords: Financial literacy, financial knowledge, financial attitude, financial behavior, poor.

JEL classification: G, G02.

1. Mở đầu

Trong những năm gần đây, tài chính toàn diện được coi là trụ cột quan trọng của tăng trưởng kinh tế, thúc đẩy tài chính và giảm nghèo bền vững, vì thế tài chính toàn diện là trọng tâm ưu tiên của nhiều quốc gia trên thế giới. Hiểu biết tài chính - một trong những cấu thành quan trọng của tài chính toàn diện - có đóng góp vô cùng lớn trong xóa đói giảm nghèo, phân phối cân bằng, thịnh vượng của mỗi cá nhân và sự ổn định, phát triển của nền kinh tế. Đối với các nền kinh tế mới nổi, công dân có hiểu biết về tài chính có thể đóng góp hiệu quả cho tăng trưởng kinh tế thực sự và giảm nghèo (Faboyede & cộng sự, 2015). Thiếu hiểu biết tài chính là nguyên nhân cơ bản dẫn đến bất bình đẳng thu nhập, bẫy nghèo đói và hạ thấp tăng trưởng.

Trải qua gần 40 năm đổi mới toàn diện cùng đất nước, tỉnh Thái Nguyên đã đạt được nhiều thành tích ấn tượng về phát triển kinh tế và xóa đói giảm nghèo. Võ Nhai là một huyện nghèo vùng cao nằm ở phía Đông Bắc của tỉnh Thái Nguyên, trong đó dân tộc thiểu số chiếm tới gần 73% dân số của Huyện. Trong những năm qua, công tác giảm nghèo trên địa bàn huyện Võ Nhai luôn được cấp ủy đảng, chính quyền các cấp từ huyện đến cơ sở quan tâm triển khai thực hiện. Đến cuối năm 2021, Huyện Võ Nhai còn 1.179 hộ nghèo trên tổng số 18.131 hộ dân, chiếm tỷ lệ 6,5%, giảm 3,08% so với năm 2020 và giảm 29,36% so với năm 2016 (UBND huyện Võ Nhai, 2021). Để có được kết quả này, huyện Võ Nhai đã thực hiện đồng bộ rất nhiều giải pháp, trong đó có sự đóng góp tích cực của các giải pháp tăng cường giáo dục kiến thức tài chính cho người nghèo. Các chính sách của Nhà nước, các tổ chức như Trung Ương Hội sinh viên Việt Nam, NHTMCP Sacombank, Home Credit, Ngân hàng Chính Sách Việt Nam cũng đã hỗ trợ và phổ biến kiến thức cho người dân về các dịch vụ tài chính, sử dụng các dịch vụ tài chính và góp phần thực hiện mục tiêu thiên niên kỷ về xóa đói và giảm nghèo.

Tuy nhiên, các chương trình này chỉ dừng lại ở việc cung cấp ban đầu cho người dân những khái niệm căn bản về tiền bạc và kế hoạch tài chính cá nhân nhưng chưa hỗ trợ được người nghèo thay đổi thái độ và hành vi tài chính để các chính sách và chương trình hỗ trợ của các tổ chức xã hội phát huy được tác dụng giúp họ thoát nghèo bền vững. Hơn nữa, Võ Nhai là một huyện có tỷ lệ người nghèo cao, người dân có thu nhập thấp và có thói quen sử dụng tiền mặt nên nhu cầu sử dụng sản phẩm dịch vụ tài chính ít; từ đó họ không tích cực tìm kiếm thông tin về các sản phẩm tài chính, kiến thức tài chính, kinh nghiệm và kỹ năng sử dụng dịch vụ tài chính hạn chế. Nghiên cứu này sẽ đi tìm hiểu về thực trạng hiểu biết tài chính của hộ nghèo trên địa bàn huyện Võ Nhai và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiểu biết tài chính đối với người nghèo tại huyện Võ Nhai để hướng đến mục tiêu xóa đói giảm nghèo và phát triển bền vững trong thời gian tới.

2. Tổng quan nghiên cứu

Khái niệm về nghèo

Trên thế giới có nhiều quan niệm khác nhau về nghèo, phụ thuộc vào cách nhìn nhận và cách tiếp cận của từng quốc gia. Nghèo là tình trạng yếu kém về chất lượng sống của những cộng đồng, gia đình, cá nhân so với mức trung bình của xã hội (Đặng Nguyên Anh & Trần Nguyệt Minh Thu, 2017). Nghèo thường gắn liền với tình trạng bất bình đẳng do bị phân biệt, đối xử, thiếu thốn tài nguyên hay khả năng dễ bị tổn thương trước những tác động của sự biến đổi môi trường sống. Trước đây, nghèo thường được hiểu là thu nhập thấp (Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, 2005). Ngày nay, các quốc gia đều thống nhất quan điểm nghèo là một hiện tượng đa chiều, có thể đo bằng tiêu chí thu nhập và các tiêu chí phi thu nhập khác và cần được nhìn nhận là sự thiếu hụt hoặc không được thỏa mãn các nhu cầu cơ bản của con người. Nghèo đa chiều được hiểu là tình trạng con người không được đáp ứng ở mức tối thiểu các nhu cầu cơ bản trong cuộc sống (Bộ Lao

động, Thương binh và Xã hội, 2015). Nghèo có nghĩa là không có đủ ăn, đủ mặc, không được đi học, không được khám chữa bệnh, không có đất đai để trồng trọt hoặc không có nghề nghiệp để nuôi sống bản thân, không được tiếp cận tín dụng. Nghèo cũng có nghĩa là không an toàn, không có quyền, và bị loại trừ, dễ bị bạo hành, phải sống trong các điều kiện rủi ro, không tiếp cận được nước sạch và công trình vệ sinh. Nghèo còn là sự thiếu năng lực tối thiểu để tham gia hiệu quả vào các hoạt động xã hội.

Tại Việt Nam, quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020 và năm 2021 đã quy định rõ hai tiêu

chí cơ bản là tiêu chí về thu nhập và các tiêu chí đo lường mức độ thiếu hụt trong tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản. Theo quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ, nghèo đa chiều sẽ được đo lường ở cấp hộ gia đình do văn hoá gắn kết hộ gia đình ở Việt Nam rất chặt chẽ, các thành viên hộ gia đình chia sẻ và hỗ trợ lẫn nhau khi khó khăn. Chuẩn hộ nghèo đối với khu vực nông thôn ở Việt Nam áp dụng cho giai đoạn 2016-2020 và năm 2021 là: (1) Có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ đủ 700.000 đồng trở xuống hoặc (2) Có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 700.000 đồng đến 1.000.000 đồng và thiếu hụt từ 03 chỉ số tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân (Bảng 1).

Bảng 1: Đo lường nghèo đa chiều giai đoạn 2016 -2021 ở Việt Nam

Chiều đo lường	Tiêu chí đo lường	Ngưỡng thiếu hụt
Chuẩn nghèo (ở nông thôn)	Tiếp cận đa chiều	Hộ nghèo đáp ứng 1 trong 2 tiêu chí sau: - Có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ đủ 700.000 đồng trở xuống. - Có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 700.000 đồng đến 1.000.000 đồng và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản trở lên. Các dịch vụ xã hội cơ bản gồm: (1) Giáo dục; (2) Y tế; (3) Nhà ở; (4) Điều kiện sống; và (5) Tiếp cận thông tin.
Trong đó Mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản như sau:		
1. Giáo dục	- Trình độ giáo dục của người lớn	Hộ gia đình có ít nhất 1 thành viên trong độ tuổi lao động chưa tốt nghiệp THCS hoặc hiện không đi học.
	- Tình trạng đi học của trẻ em	Hộ gia đình có ít nhất 1 trẻ em trong độ tuổi đi học (5 đến dưới 16 tuổi) hiện không đi học.
2. Y tế	- Tiếp cận các dịch vụ y tế	Hộ gia đình có người bị ốm đau nhưng không đi khám chữa bệnh
	- Bảo hiểm y tế	Hộ gia đình có ít nhất 1 thành viên từ 6 tuổi trở lên hiện tại không có bảo hiểm y tế.
3. Nhà ở	- Chất lượng nhà ở	Hộ gia đình đang ở trong nhà thiếu kiên cố hoặc nhà đơn sơ.
	- Diện tích nhà ở bình quân đầu người	Diện tích nhà ở bình quân đầu người của hộ gia đình nhỏ hơn 8m ² .
4. Điều kiện sống	- Nguồn nước sinh hoạt	Hộ gia đình không được tiếp cận nước hợp vệ sinh.
	- Loại hố xí/nhà tiêu	Hộ gia đình không sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.
5. Tiếp cận thông tin	- Sử dụng dịch vụ viễn thông	Hộ gia đình không có thành viên nào sử dụng thuê bao điện thoại và internet.
	- Tài sản phục vụ tiếp cận thông tin	Hộ gia đình không có tài sản nào trong các tài sản: tivi, radio, máy tính và không nghe được hệ thống loa đài truyền thanh xã/thôn.

Nguồn: Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ

Hiểu biết tài chính của người nghèo

Trên thế giới, hiểu biết tài chính đã trở thành một đề tài nghiên cứu khá nóng trong vài thập kỷ gần đây. Noctor, Stoney & Stradling (1992) lần đầu tiên đã đưa ra khái niệm về hiểu biết tài chính và cho rằng hiểu biết tài chính là khả năng đưa ra những phán đoán sáng suốt và đưa ra những quyết định hiệu quả liên quan đến việc sử dụng và quản lý tiền. Ủng hộ quan điểm của Noctor, Stoney & Stradling (1992), Schagen và Lines (1996) cho rằng một cá nhân được cho là có hiểu biết tài chính sẽ được hưởng lợi ích về thái độ và khả năng như hiểu biết về khái niệm quản lý tiền, kiến thức về các tổ chức tài chính và thái độ cho phép quản lý các vấn đề tài chính hiệu quả và có trách nhiệm.

Trong bản phác thảo đo lường chất lượng cuộc sống và hiểu biết tài chính của Australian Unity (2014), hiểu biết tài chính là sự hiểu biết của một cá nhân về khái niệm tài chính và lựa chọn tài chính trong bối cảnh tình hình tài chính cá nhân của họ, kết hợp với hành vi và phán đoán để áp dụng kiến thức nhằm thỏa mãn mong muốn về tài chính.

Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế OECD (2013) cho rằng hiểu biết tài chính là sự tổng hợp về nhận thức, kiến thức, kỹ năng, thái độ và hành vi để có thể đưa ra các quyết định tài chính an toàn, đạt được lợi ích về tài chính. Sekar và Gowri (2015) cũng định nghĩa hiểu biết tài chính là tổng hợp của nhận thức, thái độ và kỹ năng của cá nhân về các vấn đề tài chính. Ngân hàng ANZ thì cho rằng hiểu biết tài chính là khả năng đưa ra các phán đoán sáng suốt và các quyết định hiệu quả liên quan đến việc sử dụng và quản lý tiền, là sự kết hợp giữa các kỹ năng, kiến thức, thái độ của một người và cuối cùng là các hành vi của họ liên quan đến tiền.

Như vậy, có khá nhiều các khái niệm khác nhau về hiểu biết tài chính tùy thuộc vào nội dung và khía cạnh nghiên cứu. Tuy nhiên, đa phần các nghiên cứu gần đây đều chỉ ra rằng hiểu biết tài chính cá nhân là việc kết hợp của 3 yếu tố: (i) kiến thức tài chính, (ii) hành vi tài chính, và (iii) thái độ tài chính để ra quyết định tài chính và cuối cùng đạt được sự giàu có tài chính cá nhân.

Kiến thức tài chính cá nhân là mức độ hiểu biết của chủ thể đối với các khái niệm của các thuật ngữ trong tài chính (như hiểu biết về các khái niệm tài chính cơ bản; nguyên tắc và hệ thống vận hành thị trường tài chính và các định chế tài chính; các sản phẩm tài chính; dịch vụ tài chính và thanh toán; rủi ro tài chính; kênh cung cấp thông tin tài chính, ...) và phương thức hoạt động của các tổ chức tài chính (ngân hàng, tổ chức tín dụng,...). Để đo lường kiến thức tài chính, các nghiên cứu khảo sát thường xác định những lỗ hổng kiến thức cụ thể của các nhóm đối tượng khảo sát về những khái niệm tài chính cơ bản, nhận thức về sản phẩm, dịch vụ tài chính hay những kiến thức lạm phát, rủi ro, thuế và cách quản lý tài chính cá nhân và sử dụng dịch vụ tài chính.

Thái độ tài chính của cá nhân là quan điểm của chủ thể đối với sự diễn ra của tình hình tài chính xung quanh. Việc xác định thái độ của chủ thể đối với tình hình kinh tế tài chính là hệ quả của kiến thức tài chính của chủ thể đó, tạo tiền đề cho hành vi tài chính của chủ thể đó. Thái độ tài chính có thể được đo lường và đánh giá thông qua khuynh hướng lựa chọn các sản phẩm tài chính, chuẩn bị cho trường hợp khẩn cấp, quản lý rủi ro, tiết kiệm, đầu tư hay vay mượn tiền bạc.

Hành vi tài chính của cá nhân là những tác động của chủ thể đối với sự biến động của nền kinh tế xung quanh. Thông qua các phản ứng của chủ thể đối với nền kinh tế (như cách thức xây dựng các kế hoạch thu-chi tài chính của cá nhân, quản lý rủi ro, quản lý thanh toán, bảo hiểm, kỹ năng ra quyết định tài chính của cá nhân, phản ứng đúng đắn với các sự kiện tài chính tác động đến đời sống cá nhân và xã hội), chúng ta có thể nhận ra được độ nhạy cảm của chủ thể đối với nền kinh tế khi có sự thay đổi.

Để đo lường hiểu biết tài chính, OECD (2013) đã công bố ra một bảng hỏi đầy đủ và chi tiết hơn để đo lường kiến thức tài chính (ảnh hưởng của lạm phát, nhận thức lãi suất, tính toán lãi suất thông thường, định nghĩa lạm phát hay phân loại rủi ro...); hành vi tài chính (quản lý ngân quỹ, tiết kiệm chủ động, kế hoạch trả nợ ...) và thái độ tài chính (có xu hướng tiết kiệm cho tương lai hay không). Bộ câu hỏi này có cấu trúc 03 mục theo thang 21 điểm (tương ứng 7 điểm cho kiến thức, 9 điểm cho hành vi và 5 điểm cho thái độ) và hiện nay được sử dụng chủ yếu trong các nghiên cứu ở nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

Có rất nhiều nghiên cứu tại các quốc gia đang phát triển tìm hiểu về các yếu tố ảnh hưởng đến hiểu biết tài chính của cá nhân như yếu tố về trình độ học vấn, việc làm, thu nhập, tuổi tác, giới tính hay tôn giáo. Lantara và Kartini (2015) đã xem xét mức độ hiểu biết tài chính của sinh viên đại học và sau đại học ở Indonesia và đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố nhân khẩu học đến sự hiểu biết tài chính của họ. Kết quả cho thấy nam sinh viên, sinh viên ngành kinh tế tài chính có thu nhập cao và kinh nghiệm làm việc sẽ có hiểu biết về tài chính tốt hơn. Trình độ giáo dục và ngành học của sinh viên cũng là những yếu tố có ảnh hưởng đáng kể đến sự hiểu biết tài chính của họ (Lantara và Kartini, 2015). Bhushan và Medury (2013) lấy mẫu nghiên cứu là những cá nhân được trả lương tại Ấn Độ để xem xét mức độ ảnh hưởng của tuổi tác đến hiểu biết tài chính. Kết quả khảo sát cho thấy tuổi càng cao thì trình độ

hiểu biết tài chính càng tăng lên. Tuy nhiên, ở một nghiên cứu khác Nanziri và Leibbrandt (2018) lại cho rằng không có sự khác biệt quá nhiều giữa điểm số hiểu biết tài chính ở các độ tuổi khác nhau. Lusardi, Michaud và Mitchell (2017) đã nghiên cứu tác động của hiểu biết tài chính trong hành vi ra quyết định tài chính của chủ thể. Kết quả cho thấy, các cá nhân có thái độ thận trọng và hiểu biết đầy đủ các thông tin kinh tế sẽ chi tiêu ít hơn khi thu nhập cao hơn, xu hướng tiết kiệm tăng và sẽ sử dụng khoản tiết kiệm đó khi thu nhập giảm. Hilgert, Hogarth và Beverly (2003) kết luận rằng những người có kỹ năng quản lý tài chính tốt hơn thường có thu nhập cao hơn và có xu hướng tiết kiệm để phòng tránh rủi ro. Phân tích hồi quy của Atkinson và Messy (2012) chỉ ra rằng những người có thu nhập cao hơn thường có điểm số hiểu biết tài chính cao hơn. Kết quả nghiên cứu của Lusardi và Tufano (2015) cũng cho thấy hiểu biết tài chính mối quan hệ thuận chiều với thu nhập. Nguyễn Tường Vân và Lê Văn Hình (2019) nghiên cứu tác động của hiểu biết tài chính và các yếu tố khác đến hành vi tiết kiệm cá nhân ở Việt Nam. Kết quả hồi quy nhị phân logit từ khảo sát 639 cá nhân từ nhiều vùng khác nhau ở Việt Nam cho thấy hiểu biết tài chính, chuyên ngành học tài chính ngân hàng, giới tính, tình trạng hôn nhân và các yếu tố thái độ cùng các yếu tố hành vi xã hội liên quan khác có tác động tích cực (có ý nghĩa thống kê) đến hành vi tiết kiệm cá nhân. Từ kết quả nghiên cứu, gợi ý rằng cần có các chương trình đào tạo bài bản, có tầm nhìn nhằm nâng cao dân trí về tài chính cho mọi tầng lớp dân cư, trước tiên nhằm cải thiện “tài chính toàn diện” và sau đó là cải thiện nguồn cung vốn từ nội địa cho nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng bền vững.

Hiểu biết tài chính cá nhân đóng vai trò quan trọng đối với các cá nhân người nghèo. Con người có đầy đủ kiến thức về tài chính sẽ đưa ra các quyết định đúng đắn về tài chính. Hành vi và thái độ tài chính của chủ thể cũng được hình thành từ việc họ có đầy đủ kiến thức tài chính hay không. Nâng cao nhận thức về hiểu biết tài chính giúp cá nhân người nghèo hoạch định ngân sách để chi tiêu, tiết kiệm để phòng cho những rủi ro và lập kế hoạch tương lai cho cuộc sống nhằm góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống của các cá nhân. Bên cạnh đó, khi hiểu biết tài chính cá nhân được quan tâm hơn sẽ tạo điều kiện thúc đẩy và nâng cao hiệu quả các hoạt động của các dịch vụ tài chính trên thị trường và phát triển bền vững của toàn xã hội.

3. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp thu thập số liệu: Để nghiên cứu về thực trạng hiểu biết tài chính của người nghèo trên địa bàn huyện Võ Nhai, tác giả sử dụng cả số liệu thứ cấp và sơ cấp. Nghiên cứu sử dụng nguồn số liệu thứ cấp được thu thập từ các báo cáo kết quả thực hiện chương trình giảm nghèo trên địa bàn huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo kết quả thực hiện giảm hộ nghèo, kết quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững và Báo cáo kết quả rà soát hộ nghèo các năm 2019, 2020 và 2021 của huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Thông tin sơ cấp sử dụng trong nghiên cứu được thu thập từ Phiếu khảo sát được xây dựng sẵn về các nhóm chỉ tiêu: đặc điểm nhân khẩu học, kiến thức tài chính, hành vi tài chính và thái độ tài chính của người

được hỏi. Tại thời điểm tiến hành khảo sát, trên địa bàn huyện Võ Nhai có 1.179 hộ nghèo. Mỗi một hộ nghèo sẽ lựa chọn một người trưởng thành để trả lời các câu hỏi trong phiếu khảo sát. Tác giả sử dụng công thức Slovin để xác định quy mô mẫu khảo sát, cụ thể như sau:

$$n = N/(1+N \cdot e^2)$$

Trong đó: n là số hộ nghèo cần khảo sát; N là tổng số hộ nghèo của Huyện Võ Nhai; và e là mức sai số cho phép. Mức sai số được chọn trong trường hợp này là 5%. Với tổng số hộ nghèo của Huyện Võ Nhai là 1.179, áp dụng công thức Slovin, tác giả tính được số phiếu cần khảo sát là 299 phiếu. Tác giả tiến hành khảo sát 300 phiếu theo phương pháp lựa chọn ngẫu nhiên. Tổng số phản hồi hợp lệ thu về được là 263/300 phiếu, đạt 87,6% tổng số phiếu khảo sát và đảm bảo điều kiện mẫu cho phép. Phương pháp khảo sát trực tuyến được áp dụng. Đường link về cuộc khảo sát được gửi đến những người tham dự. Người tham dự truy cập vào đường link được chỉ định và đưa ra câu trả lời cho bảng câu hỏi khảo sát trên google forms.

Nghiên cứu này sử dụng các câu hỏi về kiến thức tài chính, thái độ tài chính và hành vi tài chính của Khúc Thế Anh (2020) để đo lường hiểu biết tài chính của người nghèo tại huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên. Các câu hỏi về thái độ tài chính và hành vi tài chính được đánh giá thông qua thang đo Likert 5 mức độ (1-hoàn toàn không đồng ý; 2 - không đồng ý; 3 - bình thường; 4 - đồng ý; 5 - hoàn toàn đồng ý). Các câu hỏi về kiến thức tài chính được yêu cầu tính toán kết quả và mỗi câu trả lời đúng được 1 điểm. Điểm số kiến thức tài chính được tính căn cứ vào số lượng câu trả lời đúng của phần kiến thức tài chính theo 5 mức độ (1-không trả lời đúng câu nào; 2-trả lời đúng từ 1 đến 2 câu; 3 – trả lời đúng 3 câu; 4-trả lời đúng 4 đến 5 câu; 5-trả lời đúng 6 đến 7 câu). Điểm số hiểu biết tài chính được tính bằng cách lấy trung bình điểm số kiến thức tài chính, thái độ tài chính và hành vi tài chính.

Bảng 2: Tình hình hộ nghèo và tỷ lệ hộ nghèo của huyện Võ Nhai

Chỉ tiêu	DVT	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1. Tổng số hộ dân cư	Hộ	18.160	18.058	18.131
2.Số hộ nghèo	Hộ	2.476	1.730	1.179
- Hộ nghèo về thu nhập	Hộ	2.361	1.666	1.149
- Hộ nghèo thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản (giáo dục, y tế, nhà ở, điều kiện sống, tiếp cận thông tin)	Hộ	113	64	30
3. Tỷ lệ hộ nghèo	%	13,60	9,58	6,50
4. Tỷ lệ giảm nghèo trong năm	%	5,51	4,02	3,08

Theo kết quả điều tra phỏng vấn người nghèo của tác giả, các nguyên nhân chủ yếu dẫn đến nghèo của các hộ nông dân trên địa bàn huyện Võ Nhai là: thiếu vốn sản xuất (tần suất lựa chọn là 79,3%); thiếu phương tiện trong sản xuất (tần suất là 74,7%); thiếu đất canh tác (64,7% số hộ nghèo); không biết cách làm ăn, không có tay nghề (64% số hộ nghèo lựa chọn) và một số nguyên nhân khác như nhà đông người ăn theo, không có việc làm hay gia đình có người đau ốm.

4.2. Thực trạng hiểu biết tài chính cá nhân của người nghèo tại huyện Võ Nhai

Tác giả đã thực hiện đo lường hiểu biết tài chính của người nghèo trên địa bàn huyện Võ Nhai trên 3

Phương pháp tổng hợp, phân tích và xử lý số liệu:
Sau khi thu thập được số liệu nghiên cứu, tác giả sử dụng phần mềm Microsoft Excel, EvIEWS và các công cụ trên máy tính để xử lý và tổng hợp số liệu; tiến hành phân tích bằng phương pháp thống kê và phương pháp so sánh nhằm đánh giá thực trạng, nghiên cứu kiến thức, kỹ năng và thái độ tài chính của người nghèo tại huyện Võ Nhai.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Thực trạng nghèo trên địa bàn huyện Võ Nhai

Võ Nhai là một huyện vùng cao nằm ở phía Đông Bắc của tỉnh Thái Nguyên, có tổng diện tích là 83.839,47 ha. Dân số của huyện Võ Nhai tại thời điểm 31/12/2021 là khoảng trên 69.000 người với 18.131 hộ dân cư. Toàn huyện có 9 dân tộc chủ yếu cùng chung sống, trong đó dân tộc thiểu số (Tày, Nùng, Dao, Mông...) chiếm trên 72,5% dân số toàn huyện. Trình độ dân trí không đồng đều; ở các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số trình độ dân trí thấp; việc tiếp thu kiến thức khoa học kỹ thuật để áp dụng vào sản xuất và phát huy lợi thế về địa hình để phát triển nền sản xuất nông lâm nghiệp hàng hóa và phát triển kinh tế trang trại khu vực nông thôn còn hạn chế (UBND huyện Võ Nhai, 2021).

Bảng 2 cho thấy, số hộ nghèo và tỷ lệ hộ nghèo của huyện Võ Nhai có xu hướng giảm xuống qua các năm trong giai đoạn 2019-2021. Số hộ nghèo của huyện Võ Nhai năm 2021 là 1.179 hộ, bằng một nửa so với số hộ nghèo của huyện năm 2019. Số hộ nghèo về thu nhập chiếm hơn 96% tổng số hộ nghèo của Huyện. Tỷ lệ hộ nghèo cũng đã giảm từ 13,60% (năm 2019) xuống 9,58% (năm 2020) và chỉ còn 6,50% vào năm 2021. Có được những thành quả trên là do huyện Võ Nhai đã tích cực hỗ trợ dạy nghề vào tạo việc làm cho người nghèo của huyện; hỗ trợ khám chữa bệnh và cấp thẻ bảo hiểm y tế cho 98% người nghèo của huyện; hỗ trợ giáo dục và đào tạo cho người nghèo; hỗ trợ vay vốn tín dụng ưu đãi từ ngân hàng chính sách xã hội và các nguồn khác; hỗ trợ về nhà ở và các dịch vụ khác.

Nguồn: Ủy ban nhân dân huyện Võ Nhai, các năm 2019, 2020, 2021
khía cạnh là kiến thức tài chính, thái độ tài chính và hành vi tài chính. Nghiên cứu của Đinh Thị Thanh Vân & Nguyễn Thị Huệ (2016) cũng đánh giá hiểu biết tài chính cá nhân của sinh viên trên các góc độ này.

Bảng 3 trình bày kết quả khảo sát về thực trạng kiến thức tài chính của người nghèo tại huyện Võ Nhai. Nghiên cứu sử dụng 07 câu hỏi liên quan đến lạm phát, lãi suất đơn, lãi suất kép và lợi ích của việc đa dạng hoá các danh mục đầu tư để khảo sát kiến thức tài chính của người nghèo. Số lượng những câu trả lời không chính xác chứng minh rằng người trả lời không có kiến thức về chủ đề được đề cập. Nhìn chung, kiến thức tài chính của người nghèo thuộc đối tượng khảo sát ở mức độ

trung bình (điểm trung bình là 3,32 điểm). Câu trả lời chính xác nhất được trả lời là về lạm phát với tỷ lệ trả lời đúng lên đến 85,9% số người được hỏi. Đây cũng là điều dễ hiểu vì chỉ những năm gần đây lạm phát ở Việt Nam có tăng nên trực tiếp ảnh hưởng đến giá cả hàng hoá với cuộc sống của người nghèo. Những câu hỏi về lãi suất đi vay hay tính lãi tiền gửi cũng là những câu hỏi có tỷ lệ trả lời đúng chiếm khoảng 50% số

người được hỏi. Chỉ có khoảng 20% người nghèo trả lời được các câu hỏi về đầu tư, rủi ro hay chi phí cơ hội. Do đối tượng người nghèo ở huyện Võ Nhai có đến 96% là hộ nghèo về thu nhập, chi phí trang trải cho cuộc sống thường ngày còn là một vấn đề lớn, do vậy họ chưa tìm hiểu hoặc chưa có nhu cầu tìm hiểu về các hoạt động đầu tư tài chính.

Bảng 3: Kiến thức tài chính của người nghèo tại huyện Võ Nhai

Tiêu chí	Trả lời đúng	
	Số người	Tỷ lệ (%)
I. Thống kê kiến thức tài chính được khảo sát		
1. Am hiểu về lạm phát.	226	85,9
2. Tính toán lãi suất đi vay	138	52,5
3. Tính toán lãi suất gửi tiền ngân hàng	132	50,2
4. Tính toán lãi suất đơn	170	64,6
5. Tính toán lãi suất trong trường hợp có lạm phát	84	31,9
6. Đa dạng hóa danh mục đầu tư để giảm thiểu rủi ro	57	21,7
7. Chi phí cơ hội	65	24,7
II. Điểm số kiến thức tài chính được khảo sát		
1 Điểm (0 câu trả lời đúng)	16	6,1
2 Điểm (Từ 1 đến 2 câu trả lời đúng)	28	10,6
3 Điểm (3 câu trả lời đúng)	121	46,0
4 Điểm (Từ 4 đến 5 câu trả lời đúng)	53	20,2
5 Điểm (Từ 6 đến 7 câu trả lời đúng)	45	17,1
Điểm trung bình = [(1*16) + (2 *28) +(3*121) + (4*53) + (5*45)]/263 = 3.32 điểm		

Nguồn: Kết quả tính toán từ Số liệu khảo sát

Theo Bảng 4, đa số các biến quan sát thái độ tài chính của người nghèo có giá trị trong khoảng [3,5; 3,89], cho thấy phần lớn người dân đồng tình với ý kiến từ thang đo. Mặc dù khá thoải mái với suy nghĩ “Tôi thích tiêu tiền hơn là phải tiết kiệm cho tương lai”

nhưng nhiều người được khảo sát lại có ý kiến trung lập về việc “Tôi thích dùng phần lớn thu nhập vào việc mua hàng, vì việc này khiến tôi thấy thích thú”. Điều này cho thấy thái độ thận trọng của người nghèo với việc mua sắm và tiết kiệm cho bản thân và gia đình.

Bảng 4: Thái độ tài chính của người nghèo tại huyện Võ Nhai

Thái độ tài chính được khảo sát	Điểm trung bình	Mức ý nghĩa
1. Tiết kiệm một phần thu nhập để dành cho các kế hoạch tương lai là việc trong khả năng của tôi.	3.89	Khá
2. Tôi thích dùng phần lớn thu nhập vào việc mua hàng, vì (việc này) khiến tôi thấy thích thú.	3.15	Trung bình
3. Tôi rất dễ dàng lên kế hoạch chi tiêu cho bản thân	3.65	Khá
4. Tôi sẵn sàng vay tiền (kể cả là lãi suất cao) cho những khoản chi tiêu hàng ngày của tôi.	3.5	Khá
5. Tôi thích tiêu tiền hơn là phải tiết kiệm cho tương lai.	3.8	Khá
Điểm trung bình	3.60	Khá

Nguồn: Kết quả tính toán từ Số liệu khảo sát

Bảng 5 trình bày kết quả liên quan đến hành vi tài chính của người nghèo được khảo sát. Đa số người được hỏi thường so sánh giá cả hàng hoá khi mua hàng, xem xét khả năng chi trả cho những dự định mua hàng; xem xét về kế hoạch tiêu tiền hay cất trữ tiền trong nhà một cách cẩn thận. Tuy nhiên, do thuộc diện hộ nghèo

về thu nhập, đa số người nghèo đều chưa ý thức được việc tích trữ một phần tiền kiếm được cho tương lai, hoặc dành tiền để chi tiêu hoặc trả nợ trong thời gian dài. Cũng chính vì vậy, điểm trung bình của thực trạng về hành vi tài chính của đối tượng được khảo sát chỉ ở mức độ trung bình.

Bảng 5: Hành vi tài chính của người nghèo tại huyện Võ Nhai

Hành vi tài chính được khảo sát	Điểm trung bình	Mức ý nghĩa
1. Tôi thường so sánh giá cả khi mua hàng.	4,0	Khá
2. Tôi thường xuyên để lại một phần tiền kiếm được hàng tháng cho nhu cầu cấp bách trong tương lai.	3,0	Trung bình
3. Tôi có những kế hoạch cất giữ tiền mặt lâu dài trong nhà.	3,35	Khá
4. Tôi luôn xác định đúng tổng số tiền mà tôi phải trả khi đi vay.	2,78	Trung bình
5. Tôi thường quyết định tiêu tiền dựa trên các dự định từ trước như các khoản đóng góp hoặc mua bán hàng hóa thiết yếu.	3,6	Khá
6. Hiếm khi tôi phải đi vay tiền để mua hàng hóa hay đóng góp.	3,25	Trung bình
7. Tôi thường để dành tiền cho những khoản chi tiêu, phải trả trong thời gian trên 1 năm như tiền ăn học của con cái, tiền trả nợ...	3,12	Trung bình
8. Khi kiếm được nhiều tiền hơn thì tôi cũng để dành nhiều tiền hơn.	3,8	Khá
9. Trước khi mua sắm hay đóng góp một khoản gì đó, tôi thường kiểm tra xem mình có khả năng trả hay không.	4,2	Tốt
Điểm trung bình	3,09	Trung bình

Nguồn: Kết quả tính toán từ Số liệu khảo sát

Bảng 6 thể hiện ảnh hưởng của các đặc điểm nhân khẩu học (như giới tính, độ tuổi, trình độ học vấn, việc làm và thu nhập) đến hiểu biết tài chính của hộ nghèo tại huyện Võ Nhai. Kết quả thống kê cho thấy điểm trung bình hiểu biết tài chính của nữ giới cao hơn của nam giới. Điều này có thể giải thích bởi đặc trưng của người nghèo ở khu vực nông thôn Việt

Nam: phụ nữ là người chi tiêu chính trong gia đình và đưa ra các quyết định tài chính hàng ngày trong gia đình, từ đó kiến thức, hành vi và thái độ tài chính của họ cũng được tích lũy nhiều hơn so với nam giới. Phát hiện này phù hợp với đa số nghiên cứu trước đây của Nguyễn Đăng Tuệ (2017), Nguyễn Thị Hải Yến (2014) và Khúc Thế Anh (2020).

Bảng 6: Ảnh hưởng của các đặc điểm nhân khẩu học đến hiểu biết tài chính của người nghèo tại huyện Võ Nhai

Chỉ tiêu thống kê		Số người	Tỷ lệ (%)	Điểm trung bình hiểu biết tài chính
Giới tính	Nam	92	35.0	3.35
	Nữ	171	65.0	3.78
Độ tuổi	18-25 tuổi	18	6.8	2.45
	26-40 tuổi	116	44.1	3.68
	41-55 tuổi	94	35.7	3.96
	56-70 tuổi	35	13.3	4.13
Trình độ học vấn	Dưới tiểu học (biết đọc, biết viết)	19	7.2	3.33
	Tiểu học + THCS + THPT	81	30.8	3.65
	Trung cấp chuyên nghiệp và học nghề	28	10.6	3.74
	Cao đẳng và Đại học	123	46.8	3.97
	Sau đại học	12	4.6	4.11
Việc làm	Lĩnh vực công nghiệp	57	21.7	3.55
	Lĩnh vực nông nghiệp	101	37.6	3.45
	Lĩnh vực đào tạo	36	13.7	3.99
	Lĩnh vực kỹ thuật	26	8.7	3.78
	Lĩnh vực y tế	5	1.9	3.76
	Lĩnh vực TC-NH	10	3.8	4.37
	Lĩnh vực khác (thợ xây, giúp việc...)	18	6.8	3.27
Thu nhập trung bình trong 1 tháng	Sinh viên	15	5.7	3.66
	<= 700 nghìn VND	29	11.0	3.23
	> 700 nghìn - 1 triệu VND	35	13.3	3.32
	> 1 triệu - 3 triệu VND	79	30.0	3.86
	> 3 triệu - 5 triệu VND	120	45.6	3.87

Nguồn: Kết quả tính toán từ Số liệu khảo sát

Bảng 6 cũng cho thấy, hiểu biết tài chính của người nghèo phân hóa theo độ tuổi và trình độ học vấn. Tuổi và trình độ học vấn càng cao thì hiểu biết tài chính càng lớn. Kết quả này xảy ra khi người dân sống ở khu vực nông thôn, chi tiêu và đưa ra các quyết định tài chính dựa vào kinh nghiệm cá nhân được rút ra từ thực tế của cuộc sống. Do đó, khi độ tuổi càng cao, kinh nghiệm được tích lũy càng nhiều, thái độ và hành vi tài chính càng tích cực. Kết quả cho thấy, cá nhân có trình độ học vấn cao hơn thể hiện điểm kiến thức tài chính, hành vi và thái độ tài chính cao hơn. Kết quả này phù hợp với nhiều nghiên cứu trước đây của Van Rooij, Lusardi & Alessie (2012) và Brown & Graf (2013). Như vậy, việc được đào tạo bài bản càng giúp người dân nâng cao được kiến thức tài chính, từ đó điều chỉnh hành vi và thái độ tài chính được tích cực hơn. Ngoài ra, người nghèo làm việc trong các lĩnh vực tài chính ngân hàng và đào tạo thuộc nhóm người có hiểu biết tài chính; người làm trong ngành nông nghiệp và hoạt động khác có kết quả hiểu biết tài chính khá thấp.

Đối với biến quan sát là thu nhập, điểm hiểu biết tài chính tăng cùng chiều với thu nhập. Khi thu nhập cao, cá nhân có xu hướng tiêu dùng và sử dụng các dịch vụ tài chính nhiều hơn, dẫn đến việc phải tự tìm tòi để nâng cao được kiến thức và hành vi tài chính. Kết quả nghiên cứu này phù hợp với các nghiên cứu về mối quan hệ giữa hiểu biết tài chính và thu nhập của Atkinson, A & F.A. Messy (2012) và một số nghiên cứu khác.

4.3 Giải pháp nâng cao hiểu biết tài chính của người nghèo của huyện Võ Nhai

Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu thu được, với mục đích nâng cao hiểu biết tài chính của người nghèo trên địa bàn huyện Võ Nhai, qua đó thực hiện hiệu quả

chiến lược tài chính toàn diện quốc gia, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp nâng cao hiểu biết tài chính của người nghèo tại huyện Võ Nhai như sau:

Thứ nhất, huyện Võ Nhai nên tổ chức các chương trình đào tạo, các lớp học ngắn hạn hoặc tọa đàm, hội thảo về tài chính cá nhân để phổ cập kiến thức tài chính cần bản cho người dân trong các hộ gia đình, đặc biệt là cho người dân có thu nhập thấp và người nghèo. Các chương trình giáo dục tài chính nên được thiết kế linh hoạt, ngắn gọn, dễ hiểu và vận dụng được vào thực tiễn. Nội dung giáo dục nên triển khai cho người dân nghèo về cách quản lý dòng tiền của gia đình như cách lập và tính toán ngân sách của gia đình, quản lý các hóa đơn thanh toán, đối chiếu và phân tích những khoản thu-chi cần bản trong gia đình, cách thực hành tiết kiệm để tránh sự thất bại tài chính khi thất nghiệp hoặc đau ốm.

Thứ hai, huyện Võ Nhai đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền về tầm quan trọng của việc nâng cao hiểu biết tài chính đối với người nghèo, tạo cơ hội cho người nghèo tiếp cận với các sản phẩm tài chính mới, phương thức thanh toán mới... để tạo thói quen sử dụng tài chính chính thức, nâng cao kiến thức tài chính và thay đổi thái độ và nhận thức của người dân đối với những công cụ và phương tiện tài chính mới. Các phương tiện thông tin đại chúng như truyền hình, đài phát thanh, sách báo, tạp chí và tờ rơi cần được đặc biệt quan tâm nhằm thúc đẩy, tuyên truyền phổ cập kiến thức tài chính. Ngoài ra, huyện nên xây dựng đội ngũ tuyên truyền viên từ Hội phụ nữ, Hội nông dân, Đoàn thanh niên hay cựu chiến binh... để cùng tham gia giúp người nghèo tiếp cận các kênh truyền thông và các kiến thức tài chính để nâng cao kiến thức từ thay đổi thói

quen, tư tưởng cũ, đồng thời nâng cao thái độ và hành vi tài chính.

Thứ ba, người nghèo cần được tiếp cận với các tổ chức tín dụng hợp pháp (ngân hàng thương mại, quỹ tín dụng nhân dân, ngân hàng chính sách, các công ty bảo hiểm, công ty tài chính và các tổ chức khác) để tìm hiểu thông tin, tiếp cận các dịch vụ tài chính và thực hành quản lý tài chính cá nhân khi có đủ các điều kiện. Hệ thống các tổ chức cung ứng dịch vụ tài chính cần đa dạng hoá các hình thức tín dụng và các sản phẩm tín dụng; tư vấn nhiệt tình, cụ thể để người nghèo hiểu và làm theo các thủ tục khi tham gia tín dụng, giảm thiểu những thủ tục không cần thiết đối với người nghèo. Giúp người nghèo quản lý tài chính gia đình bằng công nghệ số bởi các ứng dụng tài chính sẽ giúp hộ nghèo tiếp cận và sử dụng các sản phẩm dịch vụ ưu đãi, chương trình tín dụng chính sách, thủ tục vay vốn, các sản phẩm tiết kiệm của các tổ chức tài chính và kiến thức cơ bản về quản lý tài chính gia đình; giúp khách hàng nâng cao hiểu biết tài chính, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, gia tăng tiết kiệm và quản lý chi tiêu gia đình, từng bước làm quen với công nghệ số.

Thứ tư, người nghèo cần biết cách quản lý tài chính cá nhân hiệu quả: (1) Kiểm soát các khoản chi tiêu và sắp xếp các khoản chi tiêu của cá nhân và gia đình theo mức độ cần thiết; (2) Sử dụng nguyên tắc “50/30/20” của để quản lý tài chính cá nhân hiệu quả, đó là chia sẻ thu nhập của cá nhân và gia đình thành từng nhóm riêng biệt để có kế hoạch tài chính rõ ràng hơn, trong đó sử dụng 50% số tiền của gia đình phục vụ các chi phí thiết yếu như tiền ăn, tiền nhà, tiền đi lại hay trả cho các hoá đơn tiện ích (tiền điện, nước, điện thoại, internet...); 30% số tiền dành cho các mục tiêu tài chính như trả nợ, tiết kiệm, đầu tư vào các kênh sinh lời hay đầu tư cho giáo dục để có một vị trí tốt hơn cho tương lai và còn lại 20% là nhóm dành cho những hoạt động giải trí, thụ hưởng và những chi phí bất ngờ khác. Đây chính là nguyên tắc quản lý tài chính nổi tiếng được Elizabeth Warren – nhân vật được Tạp chí Times bình chọn là một trong 100 người có ảnh hưởng nhất năm 2017 - đề cập trong cuốn sách của bà “All Your Worth: The Ultimate Lifetime Money Plan” xuất bản

năm 2005. Đây chính là nguyên tắc đơn giản, dễ hiểu và linh hoạt quản lý tiền hiệu quả phù hợp cho tất cả mọi người mới bắt đầu thực hiện lập kế hoạch quản lý tài chính cá nhân.

5. Kết luận

Hiểu biết tài chính cá nhân ngày càng trở nên quan trọng trong giai đoạn hiện nay. Nắm bắt được hiểu biết tài chính của người dân sẽ giúp cơ quan quản lý đưa ra chính sách hợp lý để thúc đẩy tài chính toàn diện cũng như đảm bảo an toàn và quyền lợi của người tiêu dùng tài chính. Với mục tiêu đánh giá thực trạng về hiểu biết tài chính của người nghèo tại huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên, nghiên cứu đã thực hiện điều tra, khảo sát hiểu biết tài chính của người nghèo tại huyện Võ Nhai trên các khía cạnh kiến thức tài chính, thái độ tài chính và hành vi sử dụng các dịch vụ tài chính. Mặc dù còn có những cách biệt lớn trong kiến thức, thái độ và hành vi tài chính của các đối tượng được khảo sát, kết quả đo lường điểm số hiểu biết tài chính của người nghèo tại huyện Võ Nhai cho thấy hiểu biết tài chính của người nghèo tại huyện Võ Nhai chỉ đạt mức trung bình. Kết quả nghiên cứu cũng thể hiện hiểu biết tài chính được phản ánh cùng chiều qua kiến thức tài chính, thái độ tài chính và hành vi tài chính. Hơn nữa, các yếu tố giới tính, độ tuổi, trình độ học vấn, việc làm và thu nhập có ảnh hưởng cùng chiều đến hiểu biết tài chính của cá nhân người nghèo tại huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên. Huyện Võ Nhai cần tổ chức các chương trình đào tạo, các lớp học ngắn hạn hoặc tọa đàm, hội thảo về tài chính cá nhân để phổ cập kiến thức tài chính căn bản cho người nghèo, hướng dẫn họ quản lý tài chính cá nhân hiệu quả; tạo cơ hội cho người nghèo tiếp cận với các sản phẩm tài chính mới, phương thức thanh toán mới; giúp người nghèo tiếp cận với các tổ chức tín dụng hợp pháp để tìm hiểu thông tin và thực hành quản lý tài chính cá nhân bằng công nghệ số, nâng cao hiểu biết tài chính, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, gia tăng tiết kiệm và quản lý chi tiêu gia đình, từng bước làm quen với công nghệ số nhằm nâng cao hiểu biết tài chính của người nghèo trên địa bàn huyện Võ Nhai, qua đó thực hiện hiệu quả chiến lược tài chính toàn diện quốc gia trong giai đoạn tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Atkinson, A. & Messy, F. (2012). Measuring Financial Literacy: Results of the OECD / International Network on Financial Education (INFE) Pilot Study. *OECD Working Papers on Finance, Insurance and Private Pensions*, No. 15, *OECD Publishing*. http://www.oecd-ilibrary.org/finance-and-investment/measuring-financial-literacy_5k9csfs90fr4-en
- [2]. Australian Unity. (2014). *Financial Wellbeing Questionnaire design and validation*. Victoria, Melbourne: Australian Unity.
- [3]. Bhushan, P. & Medury, Y. (2013). Financial literacy and its determinants. *International Journal of Engineering, Business and Enterprise Applications*, 4(2), 155-160
- [4]. Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội. (2005), *Báo cáo số 21/LĐTBXH-BTXH ngày 25/4/2005 v/v Báo cáo Chính phủ về Chuẩn nghèo giai đoạn 2006-2010*.
- [5]. Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (2015), *Đề án tổng thể “Chuyển đổi phương pháp tiếp cận đo lường nghèo từ đơn chiều dựa vào thu nhập sang đa chiều áp dụng trong giai đoạn 2016-2020”*.
- [6]. Brown, M., & Graf, R. (2013). Financial literacy and retirement planning in Switzerland. *Numeracy*, 6(2), 2-23
- [7]. Chính phủ. (2015). *Nghị định 55/2015/NĐ-CP về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn*.
- [8]. Chính phủ. (2015). *Quyết định 59/2015/QĐ-TTg về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 – 2020*
- [9]. Đặng Nguyên Anh & Trần Nguyệt Minh Thu. (2017). Nghèo đa chiều: Cách tiếp cận và vận dụng trong thực tiễn Việt Nam. *Thông tin Khoa học xã hội*, 3, 3-13.

- [10]. Đinh Thị Thanh Vân & Nguyễn Thị Huệ. (2016). Đo lường và đánh giá các yếu tố tác động tới hiểu biết tài chính cá nhân của sinh viên. *Tạp chí Ngân hàng*, 18, 9 – 14.
- [11]. Faboyede, O.S., Ben-Caleb, E., Oyewo B. & A. Faboyede. (2015). Financial literacy education: key to poverty alleviation and national development in Nigeria. *European Journal Accounting Auditing Finance Research*, 3(1), 20-29
- [12]. Hilgert, M.A., Hogarth, J.M. & Beverly, S.G. (2003). Household Financial Management: The Connection between Knowledge and Behavior. *Federal Reserve Bulletin*, 89, 309-322.
- [13]. Khúc Thế Anh. (2020). *Dân trí tài chính của người nghèo tại khu vực nông thôn Việt Nam*. Luận án tiến sĩ, Trường ĐH Kinh tế quốc dân.
- [14]. Lantara, I.W.N & N. Kartini. (2015). Financial Literacy Among University Students: Empirical Evidence from Indonesia. *Journal of Indonesian Economy and Business*, 30(3), 247–256
- [15]. Lusardi, A., Michaud, P.C., & Mitchell, O.S. (2017). Optimal financial knowledge and wealth inequality. *Journal of Political Economy*, 125(2), 431-477
- [16]. Lusardi, A., & P. Tufano, (2015). Debt Literacy, Financial Experiences, and Over Indebtedness. *Journal of Pension Economics and Finance*, 14(4), 332-328.
- [17]. Nanziri, E.L., & Leibbrandt, M. (2018). Measuring and profiling financial literacy in South Africa. *South African Journal of Economic and Management Sciences* 21(1), a1645.
[https://doi.org/ 10.4102/sajems.v21i1.1645](https://doi.org/10.4102/sajems.v21i1.1645).
- [18]. Nguyễn Đăng Tuệ. (2017). Factors Affecting Financial Literacy of Vietnamese Adults: A Case Study for Hanoi and Nghe An. *VNU Journal of Science: Economics and Business*, 33(2), 59-73
- [19]. Nguyen Thi Hai Yen. (2014). Evaluate Financial Literacy of Vietnamese Students in Higher Education and Its Determinants- The need of Financial Education, tra cứu tại: <http://veam.org/wp-content/uploads/2017/12/20.-Nguyen-Thi-Hai-Yen.pdf>.
- [20]. Nguyễn Tường Vân & Lê Văn Hinh. (2019). Tác động của dân trí về tài chính đến hành vi tiết kiệm cá nhân ở Việt Nam. *Tạp chí Khoa học & Đào tạo Ngân hàng*, 203, 23-28.
- [21]. Noctor, M., S. Stoney & R. Stradling. (1992). *Financial Literacy*, National Foundation for Educational Research, Slough, NFER.
- [22]. OECD .(2013). *Improving financial education effectiveness through behavioral economics: OECD key findings and way forward*. OECD Publishing,
- [23]. Schagen, S. & A. Lines. (1996). *Financial Literacy in Adult Life: A Report to the NatWest Group Charitable Trust*. National Foundation for Educational Research, 36-45
- [24]. UBND huyện Võ Nhai. (2019). *Quyết định số 3899/QĐ-UBND ngày 13/12/2019 về việc phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo huyện Võ Nhai năm 2019*.
- [25]. UBND huyện Võ Nhai. (2020). *Quyết định số 3036/QĐ-UBND ngày 12/11/2020 về việc phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo huyện Võ Nhai năm 2020*.
- [26]. UBND huyện Võ Nhai. (2021). *Quyết định số 3326/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 về việc phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo huyện Võ Nhai năm 2021*.
- [27]. World Bank. (2013). *Measuring financial capability: questionnaires and implementation guidance for low-and middle-income countries*. World Bank
- [28]. World Bank. (2015). *Diagnostic review of consumer protection and financial literacy: volume 1*. World Bank
- [29]. Van Rooij, M. C., Lusardi, A., & Alessie, R. J. (2012). Financial literacy, retirement planning and household wealth. *The Economic Journal*, 122(560), 449-478.

Thông tin tác giả:

1. Hoàng Thị Thu

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh
- Địa chỉ email: thuhttn@yahoo.com

2. Đồng Thị Hương

- Đơn vị công tác: Lớp K17 TCNH B, Trường ĐH Kinh tế và QTKD

Ngày nhận bài: 1/2/2023

Ngày nhận bản sửa: 28/2/2023

Ngày duyệt đăng: 25/3/2023